
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5- 6
Báo cáo tài chính đã được soát xét	7 – 37
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>14 – 36</i>
<i>Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>37</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000040 ngày 24 tháng 4 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 số 0101030402 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 6 năm 2015 về đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ từ 383.110.000.000 đồng thành 603.110.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23: 603.110.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (04) 3719 4353
Fax : (04) 3718 3635
E-mail : info@daichau.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 0 3 0 4 0 2

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đường Đức Hóa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Năng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên
Ông Lê Quốc Việt	Ủy viên

Miễn nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đường Lan Phương	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đường Đức Hóa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Năng	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đương Đức Hòa

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Số : 0107.01/2019/BCTC-NVT2
Ngày : 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lựu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

(1) Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa (Công ty liên kết) để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn. Do đó, Kiểm toán viên chưa có cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

(2) Năm 2014 Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu này được tạm ứng để thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 2017 Công ty đã chuyển nhượng dự án này, tuy nhiên tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, số dư phải thu tiền tạm ứng thực hiện dự án Phú Thượng chưa được thu hồi là khoảng 32 tỷ đồng (xem thuyết minh số V.5); Đối với các khoản tạm ứng đã thu hồi, Công ty thực hiện cho các tổ chức, cá nhân vay (xem thuyết minh số V.4), từ 6 tháng cuối năm 2018 đến nay Công ty không thực hiện tính lãi phải thu của khoản tiền cho vay này. Bằng các thủ tục kiểm toán áp dụng, chúng tôi không đánh giá được mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		622.390.946.358	618.397.735.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	6.305.984.614	2.474.313.862
1.	Tiền	111		6.305.984.614	2.474.313.862
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120			
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		535.205.594.357	548.640.751.067
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.522.185.609	12.378.694.031
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16.450.994.122	16.384.153.554
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	445.052.675.192	436.166.509.192
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	70.032.620.000	86.873.127.856
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.852.880.566)	(3.161.733.566)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	V.7	79.759.998.799	67.065.289.391
1.	Hàng tồn kho	141		86.322.662.250	73.627.952.842
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.562.663.451)	(6.562.663.451)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.119.368.588	217.381.603
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.119.368.588	217.381.603
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.082.807.022	64.713.012.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.545.414.580	3.181.954.388
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.545.414.580	3.181.954.388
<i>Nguyên giá</i>	222		36.241.956.917	36.241.956.917
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.696.542.337)	(33.060.002.529)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	27.768.000.000	27.768.000.000
<i>Nguyên giá</i>	231		27.768.000.000	27.768.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	33.750.000.000	33.750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		33.250.000.000	33.250.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.392.442	13.058.182
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	19.392.442	13.058.182
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		686.473.753.380	683.110.748.493

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.189.579.663	51.382.730.240
I. Nợ ngắn hạn	310		56.079.569.663	51.162.722.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.332.274.302	29.940.281.017
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.466.782.256	300.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	-	3.937.246
4. Phải trả người lao động	314		527.966.169	467.188.644
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.849.453	18.571.815
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.632.586.918	7.565.632.953
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	13.000.996.000	12.700.996.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	106.114.565	166.114.565
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		110.010.000	220.008.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	110.010.000	220.008.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

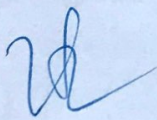
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		630.284.173.717	631.728.018.253
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	630.284.173.717	631.728.018.253
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.109.880.000	603.109.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.329.176.600	8.329.176.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.550.000)	(14.550.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.293.837.340	4.293.837.340
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.565.829.777	16.009.674.313
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.013.611.559	16.725.401.113
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.447.781.782)	(715.726.800)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		686.473.753.380	683.110.748.493

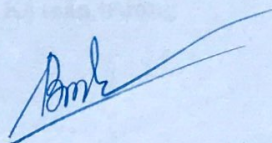
Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Bình

Tổng Giám đốc



Đương Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.587.796.895	32.065.438.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.587.796.895	32.065.438.977
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.480.117.198	36.291.223.812
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.107.679.697	(4.225.784.835)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	858.418	10.945.412.148
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	570.960.687	773.338.188
Trong đó: chi phí lãi vay	23		570.960.687	773.338.188
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.433.591	471.629.658
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.981.925.619	3.603.079.175
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.447.781.782)	1.871.580.292
11. Thu nhập khác	31		-	166.296
12. Chi phí khác	32		-	540.203.034
13. Lợi nhuận khác	40		-	(540.036.738)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.447.781.782)	1.331.543.554
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.447.781.782)	1.331.543.554
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(24)	22

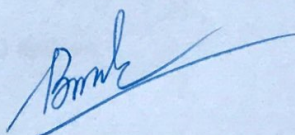
Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà



Nguyễn Thị Thanh Bình



Đường Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.447.781.782)	1.331.543.554
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	636.539.808	1.321.787.368
- Các khoản dự phòng	03	(308.853.000)	6.373.503.201
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(858.418)	(10.944.826.644)
- Chi phí lãi vay	06	570.960.687	773.338.188
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(549.992.705)	(1.144.654.333)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.728.188.725	54.121.226.209
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.694.709.408)	4.005.721.146
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4.686.507.031	762.499.968
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.334.260)	6.206.841
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(576.683.049)	(769.003.158)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(60.000.000)	(90.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.526.976.334	56.891.396.673
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(948.480.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.608.000.000)	(100.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.721.834.000	1.045.626.803
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	858.418	10.231.302.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.885.307.582)	(89.971.550.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


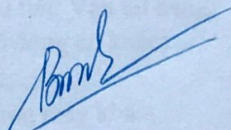
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	14.204.540.000	25.576.773.110	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.014.538.000)	(18.867.771.110)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	190.002.000	6.709.002.000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.831.670.752	(26.371.151.905)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.474.313.862	28.669.694.706
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6.305.984.614	2.298.542.801

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Thanh Bình



Đương Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Nhựa tổng hợp; Bán buôn phân bón; Sản xuất, mua bán các mặt hàng cao su và sản phẩm làm từ cao su; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh mặt hàng ắc quy các loại;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh mì ăn liền và rau quả, thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Sản xuất, chế biến, mua bán hàng nông sản; sản xuất chế biến nông sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Vận chuyển khách theo tuyến cố định; Vận chuyển hành khách bằng taxi, vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Chi tiết: dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar...);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là giá trị quyền sử dụng đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Công ty không khấu hao đối với bất động sản này.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.589.044.389	2.461.433.330
Tiền gửi ngân hàng	3.716.940.225	12.880.532
Cộng	<u>6.305.984.614</u>	<u>2.474.313.862</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Geleximco)	862.848.673	3.055.162.245
Chi nhánh công ty cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội tại Hòa Bình	1.709.168.800	5.382.148.700
Các khách hàng khác	3.950.168.136	3.941.383.086
Cộng	<u>6.522.185.609</u>	<u>12.378.694.031</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Mai Hùng An (*)	1.068.483.000	1.068.483.000
Ông Phạm Minh Tuấn- Dự án khu Việt Long (*)	15.145.756.000	15.145.756.000
Các nhà cung cấp khác	236.755.122	169.914.554
Cộng	<u>16.450.994.122</u>	<u>16.384.153.554</u>

(*) Là khoản ứng trước tiền nhận chuyển nhượng đất thương phẩm thuộc dự án khu biệt thự, nhà vườn, dịch vụ giải trí, du lịch Quang Minh tại xã Quang Minh (Mê Linh). Hiện tại công ty đang xúc tiến hoàn tất các thủ tục sang tên, chuyển quyền sở hữu.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Hữu Tường	23.041.975.000	23.041.975.000
Ông Đào Ngọc Chương	29.952.000.000	29.952.000.000
Ông Nguyễn Quang Hải	35.000.000.000	35.000.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hùng	36.000.000.000	36.000.000.000
Ông Ngô Trọng Hường	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Trần Văn Khang	24.000.000.000	24.000.000.000
Ông Nguyễn Kim Tuấn	26.900.000.000	26.900.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Lâm	17.000.000.000	17.000.000.000
Ông Lưu Chí Hùng	15.080.000.000	15.080.000.000
Ông Nguyễn Khắc Nghĩa	53.000.000.000	53.000.000.000
Ông Trần Ngọc Tuấn	16.930.000.000	16.930.000.000
Ông Vũ Lã Minh	87.812.400.192	78.926.234.192
Cho vay các đối tượng khác	60.336.300.000	60.336.300.000
Cộng	<u>445.052.675.192</u>	<u>436.166.509.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Nguồn tiền cho các tổ chức, cá nhân vay được hình thành từ việc thu hồi các khoản tạm ứng thực hiện dự án Công trình hỗn hợp Văn phòng và nhà ở, căn hộ để bán tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014 và tiền lãi cho vay thu được qua các năm từ các khoản cho vay này.

5. Phải thu khác**a. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tạm ứng</i>	32.771.382.608	49.647.117.719
Tạm ứng thành viên HĐQT, ban kiểm soát	12.794.349.058	26.458.059.094
Tạm ứng đối tượng khác	19.977.033.550	23.189.058.625
<i>Lãi dự thu các đối tượng khác</i>	1.226.010.137	1.226.010.137
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	36.035.227.255	36.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (*)	36.000.000.000	36.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	35.227.255	-
Cộng	<u>70.032.620.000</u>	<u>86.873.127.856</u>

(*) Là khoản hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 12/HĐHTĐT ký ngày 21 tháng 12 năm 2016. Theo đó Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Thương mại Tổng hợp cùng liên kết góp vốn để thực hiện "Dự án khu nhà ở cao tầng" tại lô đất CC3, khu đô thị Mỹ Đình II, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư để thực hiện dự án là 80 tỷ đồng, Công ty Cổ phần tập đoàn Đại Châu góp 36 tỷ đồng, tương đương 45% tổng vốn đầu tư.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.161.733.566	1.826.340.941
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.068.483.000
Hoàn nhập dự phòng	(308.853.000)	-
Số cuối kỳ	<u>2.852.880.566</u>	<u>2.894.823.941</u>

Chi tiết dự phòng phải thu khó đòi được trình bày tại phụ lục 1.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	55.182.624.646	-	46.283.778.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.421.126.823	-	15.601.488.629	-
Thành phẩm	8.700.520.918	(5.327.056.336)	8.715.113.805	(5.327.056.336)
Hàng hóa	3.018.389.863	(1.235.607.115)	3.027.571.863	(1.235.607.115)
Cộng	<u>86.322.662.250</u>	<u>(6.562.663.451)</u>	<u>73.627.952.842</u>	<u>(6.562.663.451)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.706.042.605	25.949.828.964	1.394.934.546	191.150.802	36.241.956.917
Số cuối kỳ	8.706.042.605	25.949.828.964	1.394.934.546	191.150.802	36.241.956.917
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.302.097.876	6.138.094.718	521.818.182	191.150.802	8.153.161.578
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.630.675.273	24.629.046.634	609.129.820	191.150.802	33.060.002.529
Tăng trong kỳ do khấu hao	262.688.418	330.195.570	43.655.820	-	636.539.808
Số cuối kỳ	7.893.363.691	24.959.242.204	652.785.640	191.150.802	33.696.542.337
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.075.367.332	1.320.782.330	785.804.726	-	3.181.954.388
Số cuối kỳ	812.678.914	990.586.760	742.148.906	-	2.545.414.580

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.116.364 VND và 742.148.906 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Đô

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m² đất tại khu Cây đa Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾	33.250.000.000	-	33.250.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ⁽ⁱⁱ⁾	31.000.000.000	-	31.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ⁽ⁱⁱ⁾	2.250.000.000	-	2.250.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	33.750.000.000	-	33.750.000.000	-

- (i) Là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HĐHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chì kẽm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chì kẽm, nhà máy luyện kim loại Chì kẽm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (ii) Là khoản đầu tư giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Đại Châu. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, vốn góp tại của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại- Xuất nhập khẩu Đại Châu là 2.250.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- (iii) Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.058.182	4.556.841
Phát sinh trong kỳ	8.500.000	-
Kết chuyển chi phí trong kỳ	(2.165.740)	(4.556.841)
Số cuối kỳ	19.392.442	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Dịch Vụ thương mại và sản xuất Đại Hữu	5.030.610.291	5.030.610.291	5.402.341.296	5.402.341.296
Công ty TNHH Thương Mại Đức Duyên	4.821.487.649	4.821.487.649	2.823.127.164	2.823.127.164
Công ty TNHH Xây Dựng Sơn Anh	8.857.553.214	8.857.553.214	4.052.742.034	4.052.742.034
Các nhà cung cấp khác	10.622.623.148	10.622.623.148	17.662.070.523	17.662.070.523
Cộng	29.332.274.302	29.332.274.302	29.940.281.017	29.940.281.017

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hùng Phú	-	300.000.000
Tập đoàn geleximco - Tiền Hải	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV - XNK tổng hợp Thái bình	1.231.933.888	-
Công ty Cổ phần Tân Hoàng Cầu	234.848.368	-
Cộng	5.466.782.256	300.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.937.246	-	-	(3.937.246)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	3.937.246	3.000.000	(3.000.000)	(3.937.246)	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	173.277.338	173.277.338
Cổ tức năm 2011 phải trả	7.302.327.480	7.302.327.480
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	156.982.100	90.028.135
Cộng	7.632.586.918	7.565.632.953

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	13.000.996.000	13.000.996.000	12.700.996.000	12.700.996.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.781.000.000	12.781.000.000	12.481.000.000	12.481.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Thành (i)	9.141.000.000	9.141.000.000	9.141.000.000	9.141.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô (ii)	3.340.000.000	3.340.000.000	3.340.000.000	3.340.000.000
Ngân hàng An Bình (iii)	300.000.000	300.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V,18b)	219.996.000	219.996.000	219.996.000	219.996.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô	219.996.000	219.996.000	219.996.000	219.996.000
Cộng	13.000.996.000	13.000.996.000	12.700.996.000	12.700.996.000

(i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hà Thành theo 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số CHA.DN.3272.290119 ngày 30/01/2019. Hạn mức tín dụng 8.141.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức trên bao gồm dư nợ theo hợp đồng tín dụng số CHA.DN.429.05218 ngày 07/02/2018. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay là được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng cấp hạn mức thấu chi số CHA.DN.3483.290119 ngày 30/01/2019. Hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 9.2%/năm, được điều chỉnh theo quy định hoặc thông báo của ACB trong toàn bộ thời gian thực tế.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

Bất động sản tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 Tổ 29, Cụm 5, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội trị giá 6.650.000.000 VND thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Tiến Dũng và Bà Trần Thị Kim Ngân.

Bất động sản tại căn hộ 398, nhà C22, TT Quỳnh Lôi, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội trị giá 1.098.000.000 VND thuộc sở hữu của Đường Đức Thắng, Trần Thị Vân Hiên, Đường Phương Linh.

Bất động sản tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 7E-IV-11, A18 tổ 29 cụm 5 Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội trị giá 7.593.000.000 VND thuộc sở hữu của Trần Việt Hà.

(ii) Là khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đông Đô theo HĐTDHM số LD1803800127 ngày 08/02/2018 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1803800127-PL01 ngày 22/08/2018. Hạn mức tín dụng là 3.340.000.000 VND. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 0801/HĐMB/ĐC-LS/2018 ngày 08/01/2018 với công ty CP Hàng hóa Quốc tế Leeson. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 22/08/2018, lãi suất 8,5% trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ 2,3%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Bất động sản tại thửa đất số LK-05:20, tờ bản đồ số QH, địa chỉ: Thôn Phú Nhi, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BY 053996, số vào sổ cấp GCN: CH01306 do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 26/05/2016 cho ông Nguyễn Khắc Nghĩa và bà Phương Thị Nhân. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.156.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Bất động sản tại địa chỉ: Căn 45 - Nhà 3 B2 - TT. Bộ Công An - Phường Phúc Xá - Quận Ba Đình - Hà Nội. Theo GCN Quyền sử dụng đất số AG665890, số vào sổ cấp GCN Quyền sử dụng đất số Q.1863/2006_QĐ_IB 880.2006 do UBND Quận Ba Đình cấp ngày 12/09/2006 cho ông Lương Đức Quang và bà Nguyễn Thị Hải. Giá trị tài sản đảm bảo là: 5.233.800.000 VND.

(iii) Là khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hoàng Cầu theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2699/19/TD/II.25 ngày 11/06/2019 nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày 11/06/2019. Lãi suất và thời hạn vay của mỗi món vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, không quá 06 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Hạn mức vay tối đa là 300.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.481.000.000	14.204.540.000	-	(13.904.540.000)	12.781.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	219.996.000	-	109.998.000	(109.998.000)	219.996.000
Cộng	12.700.996.000	14.204.540.000	109.998.000	(14.014.538.000)	13.000.996.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đông Đô (i)	110.010.000	110.010.000	220.008.000	220.008.000
Cộng	110.010.000	110.010.000	220.008.000	220.008.000

Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số LD1800300128 ngày 04/01/2018. Số tiền vay là 660.000.000 VNĐ, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 05/01/2018 đến 05/01/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe ô tô. Lãi suất trong 12 tháng đầu tiên là 11%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi bằng lãi suất huy động cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cộng thêm 3,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần hoặc theo quy định của Ngân hàng từng kỳ.

Khoản vay được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay: 1 chiếc ô tô con MAZDA CX5 AT 2WD, màu trắng, số khung: RN2KE5326HC071990, số máy PY20953341, biển kiểm soát số: 30F-013.98, trị giá tài sản: 844.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	220.008.000	(109.998.000)	110.010.000
Cộng	220.008.000	(109.998.000)	110.010.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	92.378.900	-	-	92.378.900
Quỹ phúc lợi	73.735.665	-	(60.000.000)	13.735.665
Cộng	166.114.565	-	(60.000.000)	106.114.565

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.725.401.113	632.443.745.053
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(715.726.800)	(715.726.800)
Số dư cuối năm trước	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.009.674.313	631.728.018.253
Số dư đầu năm nay	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	16.009.674.313	631.728.018.253
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(1.447.781.782)	(1.447.781.782)
Tăng khác	-	-	-	-	3.937.246	3.937.246
Số dư cuối kỳ này	603.109.880.000	8.329.176.600	(14.550.000)	4.293.837.340	14.565.829.777	630.284.173.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.311.000	60.311.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu phổ thông	60.310.988	60.310.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.455	1.455
- Cổ phiếu phổ thông	1.455	1.455
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu phổ thông	60.309.533	60.309.533
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	163,36	163,36

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thương mại dịch vụ	836.181.816	4.027.272.727
Doanh thu bán thành phẩm	4.751.615.079	28.038.166.250
Cộng	5.587.796.895	32.065.438.977

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thương mại dịch vụ	9.182.000	3.516.750.000
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.470.935.198	27.469.453.611
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	5.305.020.201
Cộng	4.480.117.198	36.291.223.812

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	858.418	231.302.619
Lãi tiền cho vay	-	10.713.524.025
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	585.504
Cộng	858.418	10.945.412.148

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	570.960.687	773.338.188
Cộng	570.960.687	773.338.188

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	451.916.567
Chi phí bằng tiền khác	3.433.591	19.713.091
Cộng	3.433.591	471.629.658

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.113.051.204	1.182.998.488
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.804.695	14.851.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.943.876	168.618.478
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	10.242.000
Chi phí dự phòng	(308.853.000)	1.068.483.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.141.681	1.091.071.409
Các chi phí khác	136.837.163	66.814.550
Cộng	1.981.925.619	3.603.079.175

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành 6 tháng đầu năm 2019 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.447.781.782)	1.331.543.554
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	534.876.494
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	534.876.494
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	-	534.876.494
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(1.447.781.782)	1.866.420.048
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(1.866.420.048)
Thu nhập tính thuế	(1.447.781.782)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.447.781.782)	1.331.543.554
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.447.781.782)	1.331.543.554
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.309.533	60.309.533
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(24)	22

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	60.309.533	60.309.533
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.309.533	60.309.533

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.836.580.849	11.807.446.774
Chi phí nhân công	2.587.904.273	3.025.159.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	636.539.808	1.321.787.368
Chi phí dự phòng	(308.853.000)	6.373.503.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.294.781.618	2.384.731.777
Chi phí khác	214.386.167	138.872.209
Cộng	10.261.339.715	25.051.500.941

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng chi phí	5.893.000	28.000.000
Hoàn ứng	13.669.603.036	48.661.652.642

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác của Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa	Công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại dịch vụ: Kinh doanh đồ gỗ và cho thuê kho bãi.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	836.181.816	4.751.615.079	5.587.796.895
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>836.181.816</u>	<u>4.751.615.079</u>	<u>5.587.796.895</u>
Chi phí bộ phận	9.182.000	4.470.935.198	4.480.117.198
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>826.999.816</u>	<u>280.679.881</u>	1.107.679.697
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			1.985.359.210
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<u>(877.679.513)</u>
Doanh thu hoạt động tài chính			858.418
Chi phí tài chính			(570.960.687)
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>(1.447.781.782)</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			<u>-</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			<u>638.705.548</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực	Lĩnh vực	Cộng
	thương mại dịch vụ	sản xuất	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.018.389.863	85.849.686.967	88.868.076.830
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			597.605.676.550
Tổng tài sản			686.473.753.380
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	42.443.280.302	42.443.280.302
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			13.746.299.361
Tổng nợ phải trả			56.189.579.663

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.305.984.614	2.474.313.862	6.305.984.614	2.474.313.862
Phải thu khách hàng	4.811.897.903	10.359.553.325	4.811.897.903	10.359.553.325
Các khoản cho vay	445.052.675.192	436.166.509.192	445.052.675.192	436.166.509.192
Các khoản phải thu khác	70.032.620.000	86.873.127.856	70.032.620.000	86.873.127.856
Cộng	526.203.177.709	535.873.504.235	526.203.177.709	535.873.504.235
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	13.111.006.000	12.921.004.000	13.111.006.000	12.921.004.000
Phải trả cho người bán	29.332.274.302	29.940.281.017	29.332.274.302	29.940.281.017
Các khoản phải trả khác	8.173.402.540	8.051.393.412	8.173.402.540	8.051.393.412
Cộng	50.616.682.842	50.912.678.429	50.616.682.842	50.912.678.429

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	13.000.996.000	110.010.000	-	13.111.006.000
Phải trả người bán	29.332.274.302		-	29.332.274.302
Các khoản phải trả khác	8.173.402.540		-	8.173.402.540
Cộng	50.506.672.842	110.010.000	-	50.616.682.842
Số đầu năm				
Vay và nợ	12.700.996.000	220.008.000	-	12.921.004.000
Phải trả người bán	29.940.281.017		-	29.940.281.017
Các khoản phải trả khác	8.051.393.412		-	8.051.393.412
Cộng	50.692.670.429	220.008.000	-	50.912.678.429

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ông Giám đốc



Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Thanh Bình

Đường Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng						
Ông Nguyễn Duy Hưng	Quá hạn từ 1 -2 năm	80.000.000	-	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000	308.853.000
Công ty TNHH Phước Lộc	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404	40.000.000	Quá hạn từ 1 -2 năm	80.000.000	40.000.000
Chi nhánh Công ty CPXD số 1 Sông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617	877.352.404	Quá hạn trên 3 năm	877.352.404	877.352.404
A CHAU 24.CO.LTD	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060	35.030.617	Quá hạn trên 3 năm	35.030.617	35.030.617
Asia Super Market Khánh Hương	Quá hạn trên 3 năm	308.853.000	490.995.060	Quá hạn trên 3 năm	490.995.060	490.995.060
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	Quá hạn từ 1 -2 năm	195.118.000	154.426.500	Quá hạn từ 1 -2 năm	308.853.000	154.426.500
CTCP nội thất KTDECOR Việt Nam	Quá hạn từ 1 -2 năm	25.957.250	97.559.000	Quá hạn từ 1 -2 năm	195.118.000	97.559.000
Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp bộ quốc phòng	Quá hạn từ 1 -2 năm	3.891.000	12.978.625	Quá hạn từ 1 -2 năm	25.957.250	12.978.625
Công ty CP Ngôi sao An Bình	Quá hạn từ 1 -2 năm	74.109.860	1.945.500	Quá hạn từ 1 -2 năm	3.891.000	1.945.500
Công ty cổ phần đầu tư Đức Thắng (331N)	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	74.109.860	Khó có khả năng thu hồi	74.109.860	74.109.860
Ông Mai Hùng An (331N)	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	1.068.483.000	Khó có khả năng thu hồi	1.068.483.000	1.068.483.000
Cộng		3.159.790.191	2.852.880.566		3.468.643.191	3.161.733.566